

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2025

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch và bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 175/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm 1988; Số định danh: 040188000638; nơi ĐKKHKT: Xóm P, xã G, tỉnh Nghệ An (xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An cũ); địa chỉ tạm trú: Số nhà G đường L, tổ A, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Doãn T, sinh năm 1985; Số định danh: 044085000870; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị (xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện nay đã xuất cảnh sang Đài Loan; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Doãn K, sinh năm 1954 (bố đẻ của anh T); địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Doãn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 02 năm 2008 tại UBND xã A, huyện Q,

tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh T một thời gian. Đến tháng 01 năm 2017, vợ chồng bàn bạc để anh T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu hai bên vẫn thường xuyên điện thoại thăm hỏi, động viên nhau, từ đầu năm 2020 cho đến nay, anh T không liên lạc về cho chị, không quan tâm đến vợ con; do đó giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tuy hai gia đình nội ngoại đã khuyên bảo vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay chị nhận thấy vợ chồng mỗi người ở một nơi, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Võ Thị Hoài T1, sinh ngày 13/9/2009, Võ Doãn Anh Q, sinh ngày 17/9/2014 và Võ Thị Minh N1, sinh ngày 20/9/2017; hiện nay hai con T1 và Q đang ở cùng ông bà nội, cháu N1 đang ở với chị. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N1, giao hai con là T1 và Q cho anh T nuôi dưỡng. Vì anh T hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc các con T1 và Q nên chị tạm giao cho ông bà nội nuôi dưỡng, khi nào anh T về nước thì ông bà nội có trách nhiệm giao các con lại cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Doãn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với anh Võ Doãn T, tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh T, tại phiên tòa anh T không có mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 10/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) có Công văn số 1481/CV-TA về việc yêu cầu phòng Q1 – Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Võ Doãn T. Tại Công văn số 1676/CV-QLXNC ngày 19/6/2025 của phòng Q1 – Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cung cấp thông tin anh Võ Doãn T đã xuất cảnh ngày 09/01/2017 qua sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 10/7/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ, lấy lời khai của thân nhân anh Võ Doãn T là ông Võ Doãn K (bố đẻ của anh T) và tiến hành xác minh nơi cư trú của anh T, cũng như các nội dung liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị N. Ông K cho biết: Anh T xuất cảnh sang Đài Loan để làm việc từ đầu năm 2017 cho đến nay, trước đó anh T có chung hộ khẩu thường trú với bố mẹ tại xã T, tỉnh Quảng Trị. Hằng ngày, anh T thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại và mạng xã hội, nhưng chỉ thông báo cho ông biết đang làm việc ở Đài Loan còn không thông báo địa chỉ cụ thể. Vợ chồng chị N, anh T sau khi tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 18/02/2008; việc kết hôn là tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N và anh T ở chung với ông bà nội ở thôn H, xã A. Ông không biết giữa hai vợ chồng mâu thuẫn như thế nào, tuy nhiên cách đây 4 năm chị N có thông báo cho ông biết là hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị N về quê ngoại ở Nghệ An sinh sống cho đến nay, sau đó anh T con ông đi nước ngoài làm ăn, có điện thoại về cho ông thông báo là vợ chồng mâu thuẫn và mấy năm gần đây hai bên ít liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi về cho ông qua đường bưu điện, ông đã thông báo cho anh T biết, anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Chị N và anh T có 03 con chung là Võ Thị Hoài T1, sinh ngày 13/9/2009, Võ Doãn Anh Q, sinh ngày 17/9/2014 và Võ Thị Minh N1, sinh ngày 20/9/2017, hiện nay cháu T1 và Q đang ở với ông bà nội còn cháu N1 đang ở với chị N. Hiện tại anh T con trai ông đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc cho các cháu, ông sẽ tiếp tục nuôi các cháu T1 và Q, giao cháu N1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con, ông đề nghị hai vợ chồng phải có trách nhiệm gửi tiền để ông nuôi các cháu. Ông cũng nghe anh T nói là vợ chồng chị N, anh T không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện anh T đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan, việc trở về tham gia phiên họp, phiên tòa rất khó khăn nên anh T mong muốn Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Võ Doãn T. Về con chung đề nghị xử giao cháu Võ Thị Minh N1, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Ngô Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Võ Thị Hoài T1, sinh ngày 13/9/2009 và Võ Doãn Anh Q, sinh ngày 17/9/2014 cho anh Võ Doãn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời giao cháu Võ Thị Hoài T1 và Võ Doãn Anh Q cho ông nội (ông Võ Doãn K) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài, sau này khi anh T về nước ông Võ Doãn K có trách nhiệm giao cháu T1, cháu Q cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Về tài sản và nợ chung chị N trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Đương sự phải chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh Võ Doãn T đang ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Võ Doãn K là bố đẻ của anh Võ Doãn T; đồng thời tiến hành lập biên bản về việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Võ Doãn T tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị và tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã thông báo cho anh Võ Doãn T biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị N và anh T trên H phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (15, 16, 17/8/2025) nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh T, anh T và gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử và xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngô Thị N, anh Võ Doãn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy chị Ngô Thị N và anh Võ Doãn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 02 năm 2008 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 01 năm 2017 anh T đi lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu hai bên vẫn thường xuyên điện thoại thăm hỏi, động viên nhau; từ đầu năm 2020 cho đến nay, giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh các mâu thuẫn, anh T không liên lạc về cho chị; không quan tâm đến gia đình. Ông Võ Doãn K (bố đẻ của anh T) cũng xác nhận việc cách đây 4 năm chị N có thông báo cho ông biết là hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị N về quê ngoại sinh sống cho đến nay, sau đó anh T đi nước ngoài làm ăn có điện thoại về thông báo là vợ chồng mâu thuẫn và mấy năm gần đây hai bên ít liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau. Ông đã thông báo cho anh T biết việc chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Võ Doãn T.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị N, anh T có 03 con chung là Võ Thị Hoài T1, sinh ngày 13/9/2009, Võ Doãn Anh Q, sinh ngày 17/9/2014 và Võ Thị Minh N1, sinh ngày 20/9/2017; hiện tại cháu T1 và cháu Q đang ở cùng ông bà nội, cháu N1 đang ở với chị. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1, giao hai con là T1 và Q cho anh T nuôi dưỡng. Vì anh T hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc các con T1 và Q nên tạm giao cho ông bà nội nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian anh T đang lao động và sinh sống ở nước ngoài chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1; ông Võ Doãn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, cháu Q. Tại bản tự khai cháu N1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ; cháu T1 và cháu Q cũng có nguyện vọng được ở cùng với bố nhưng hiện tại bố đang ở nước ngoài làm việc nên ở cùng ông bà nội. Mặt khác, ông Võ Doãn K cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và cháu Q cho đến lúc anh T trở về nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu Võ Thị Hoài T1, Võ Doãn A Quân cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Võ Thị Minh N1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nguyện vọng của mỗi bên và đảm bảo cuộc sống của các cháu ổn định, không bị xáo trộn.

Tạm thời giao cháu Võ Thị Hoài T1, Võ Doãn Anh Q cho ông nội (ông Võ Doãn K) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài, sau này khi anh T về nước giao cháu T1, Q cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung*: Chị Ngô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tố tụng* đặt văn bản tố tụng ra nước ngoài:

Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về lệ phí đăng thông tin trên VOV5: Chị N phải chịu 2.250.000 đồng (chị N đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 180; các Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Võ Doãn T.
2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Võ Thị Minh N1, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Ngô Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Giao cháu Võ Thị Hoài T1, sinh ngày 13/9/2009, Võ Doãn Anh Q, sinh ngày 17/9/2014 cho anh Võ Doãn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời giao cháu Võ Thị Hoài T1 và Võ Doãn Anh Q cho ông nội (ông Võ Doãn K) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài, sau này khi anh T về nước ông Võ Doãn K có trách nhiệm giao cháu T1, cháu Q cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Chị N và anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn chị Ngô Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí*: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số BLTU/23/0005476 ngày 18/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

Về lệ phí đăng VOV5: Chị N đã nộp đủ 2.250.000 đồng tại Tòa án.

5. Án xử sơ thẩm công khai, chị Ngô Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, anh Võ Doãn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Trường Ninh, tỉnh QT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thái Sơn

